

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 08/2022/HC-ST

Ngày: 17 – 02 – 2023

“V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính
về lĩnh vực quản lý đất đai”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Sang** và ông **Đoàn Văn Tri**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai (trực tuyến) vụ án hành chính thụ lý số 57/2022/TLST-HC ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn L, xã P, thị xã A, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh Tiên, sinh năm 1994; địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng Luật sư Đình Duy tại Miền Trung, tổ 8, thôn An Thành 1, xã Bình An, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Đình Duy – Văn phòng Luật sư Đình Duy, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. địa chỉ: Số 207 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ba Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thị xã A (địa chỉ: Số 22 Hoàng Diệu, thị trấn Vĩnh Điện, thị xã A, tỉnh Quảng Nam).

* Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh C – Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 78/UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND thị xã A). Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh V - Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã A. Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (địa chỉ: xã P, thị xã A, tỉnh Quảng Nam).

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Công Đ – Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 55/UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND xã P, thị xã A). Có mặt;

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê M – Công chức địa chính xã P. Có mặt;

+ Ông Lê Ngọc N – Công chức Tư pháp hộ tịch xã P. Có mặt;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị Bờ, sinh năm 1966. Vắng mặt;
2. Bà Nguyễn Thị Lanh, sinh năm 1985. Vắng mặt;
3. Bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1987. Vắng mặt;
4. Ông Nguyễn Đình Nguyên, sinh năm 1988. Vắng mặt;
5. Ông Nguyễn Đình Nhân, sinh năm 1990. Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: thôn L, xã P, thị xã A, tỉnh Quảng Nam.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Bờ, bà Nguyễn Thị Lanh, bà Nguyễn Thị Hồng, ông Nguyễn Đình Nguyên, ông Nguyễn Đình Nhân: Ông Võ Thanh Tiên, sinh năm 1994; địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng Luật sư Đình Duy tại Miền Trung, tổ 8, thôn An Thành 1, xã Bình An, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình T, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình T trình bày:***

Từ trước năm 1980 đến nay, gia đình ông khai hoang, cải tạo đất, trồng cây ngắn ngày (như trồng lúa, khoai lang, cây lát) và cây lâu năm như tre, bạch đàn, dương liễu,... đối với một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01 tại xã P, TX. A, tỉnh Quảng Nam, đây là nguồn thu nhập nhằm nuôi sống gia đình ông. Hiện nay, ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất, không tranh chấp với ai. Ông làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên gửi cho chính quyền địa phương giải quyết.

Ngày 28/09/2019, ông nhận được Công văn số 30/UBND ngày 25/09/2019 của UBND xã P về việc trả lời đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tuấn.

Ngày 07/02/2020, ông làm đơn khiếu nại Công văn số 30/UBND ngày 25/09/2019 của UBND xã P về trả lời đơn của công dân xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 27/10/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành quyết định số 251/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông. Theo đó, UBND xã P không chấp nhận nội dung khiếu nại trên của ông vì lý do không kê khai, đăng ký sử dụng qua các thời kỳ, thửa đất này là đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý theo hồ sơ địa chính.

Ngày 17/11/2020, ông làm đơn khiếu nại (lần hai) gửi đến Chủ tịch UBND thị xã A, khiếu nại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND xã P.

Ngày 21/05/2021, ông nhận được quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/05/2021 của Chủ tịch UBND thị xã A, không chấp nhận nội dung khiếu nại (lần 2) của ông về việc công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01 (theo hồ sơ NĐ 64/CP) là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 đến nay, từ đó làm căn cứ lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ông hoàn toàn không đồng ý với nội dung Quyết định này, vì vậy Ông Nguyễn Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, trú tại thôn L, xã P, thị xã A, tỉnh Quảng Nam (lần hai);

- Huỷ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1200m² tại thôn L, xã P, thị xã A là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

*** Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch và UBND xã P trình bày:**

+ Vào năm 2019 hộ gia đình ông Nguyễn Đình T có làm hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất có diện tích khoảng 1200m², địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã P, thị xã A, tỉnh Quảng Nam. Sau khi tiếp nhận hồ sơ thì bộ phận địa chính xã P đã kiểm tra và tham mưu với Hội đồng xét nguồn gốc đất của xã tổ chức họp xét. Tuy nhiên Hội đồng xét nguồn gốc đất xã P không thống nhất cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Đình T và UBND xã P đã có Công văn số 30/UBND ngày 25/9/2019 để trả lời cho ông Nguyễn Đình T.

+ Sau khi nhận Công văn số 30 ngày 25/9/2019 của UBND xã P thì ông Nguyễn Đình T có đơn khiếu nại Công văn số 30/UBND của UBND xã P.

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đình T thì UBND xã P tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật. UBND xã đã ra quyết định thành lập Tổ xác minh, cử cán bộ xác minh nguồn gốc thửa đất nêu trên và đã ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Đình T. Sau khi nhận quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND xã P thì ông Nguyễn Đình T không đồng ý và có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND thị xã A giải quyết theo thẩm quyền.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T, UBND xã P có ý kiến như sau:

Thứ nhất: UBND xã P ban hành Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Đình T là đảm bảo đúng quy định pháp luật. UBND xã Căn cứ hồ sơ tài liệu quản lý đất đai tại địa phương qua các thời kỳ (Hồ sơ CT299; NĐ64; Hồ sơ đo đạc 2001) đồng thời xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng thửa đất của các hộ dân sinh sống cùng thời điểm. Cụ thể qua hồ sơ địa chính đang quản lý tại UBND xã thì thửa đất mà ông Nguyễn Đình T xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đều do UBND xã kê khai, quản lý và thuộc diện đất chưa sử dụng của UBND xã P.

Thứ hai: Ông Nguyễn Đình T cho rằng thửa đất trên do gia đình ông khai hoang sử dụng ổn định từ trước năm 1980 nhưng qua kiểm tra hiện trạng thì ông Nguyễn Đình T không xác định được mốc giới, diện tích đồng thời hiện trạng trên thửa đất là rất hoang hoá, không có canh tác gì chỉ có mấy bụi tre.

Thứ ba: Qua xác minh của các hộ dân sinh sống cùng thời điểm thì cho thấy nguồn gốc thửa đất này không phải do ông Nguyễn Đình T khai phá, ông Nguyễn Đình T chỉ mới trồng một số cây keo lá tràm và bạch đàn trên thửa đất này (sau năm 2014), còn những bụi tre thì đã có từ trước. Mặt khác, mảnh đất này hiện nay thuộc khu vực đất quy hoạch phát triển du lịch theo Quyết định số 11101/2018/QĐ-UBND, ngày 27/12/2018 của UBND thị xã A.

Do đó, UBND xã P không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T.

*** Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã A trình bày:**

1. Đối với khởi kiện yêu cầu Hủy Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch UBND thị xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, trú tại thôn L, xã P (lần 2).

Ngày 27/10/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 251/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, theo đó, Chủ tịch UBND xã P không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Tuấn vì lý do ông không kê khai, đăng ký sử dụng qua các thời kỳ và thửa đất này là đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý theo hồ sơ địa chính. Với kết quả giải quyết trên, ông Nguyễn Đình T không đồng ý nên tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND thị xã A theo quy định của pháp luật khiếu nại.

Kết quả kiểm tra hồ sơ được lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước (sau đây viết tắt là Hồ sơ CT 299/TTg), tại xã P, diện tích này nguyên trước đây là một phần của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.010m², loại đất còn cát, do hợp tác xã P quản lý.

Kết quả kiểm tra hồ sơ được lập theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình (sau đây gọi tắt là Hồ sơ NĐ 64/CP), diện tích này là một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.390m², loại đất rừng trồng do UBND xã P quản lý.

Hồ sơ địa chính mới theo hệ toạ độ VN 2000 (gọi tắt là hồ sơ VN 2000) thể hiện phần diện tích này thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.839m², loại đất hoang bằng do UBND xã P quản lý.

Như vậy, đối với diện tích đất đang khiếu nại, hộ ông Nguyễn Đình T không kê khai, đăng ký qua các thời kỳ. Trong quá trình làm việc, ông Tuấn không cung cấp giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/4/2014 của Chính phủ.

Qua kiểm tra, xác minh thì phần diện tích đất mà ông Tuấn đang khiếu nại nguyên trước đây là còn cát ven sông; đến năm 1985, khi lập Hồ sơ CT 299/TTg thì diện tích này vẫn thể hiện là đất còn cát. Qua xác minh thực tế các hộ dân sống lân cận thì hộ ông Tuấn có trồng tre trên một phần diện tích đất đang khiếu nại, ngoài ra không trồng các loại hoa màu gì khác. Thanh tra thị xã tiến hành kiểm tra thực tế dưới sự chứng kiến của đại diện UBND xã P và ông Tuấn thì trên thửa ngoài bụi tre trồng ở góc ranh giới phía đông của phần diện tích đang khiếu nại thì còn một vài cây bạch đàn, dương liễu, keo lá tràm rải rác, còn lại đa số diện tích đất bỏ hoang, để cỏ mọc; ranh giới của phần diện tích đang khiếu nại không rõ ràng trên thực địa.

Về thời điểm sử dụng đất, Thanh tra thị xã đã tiến hành xác minh những người sống cùng thời điểm thì họ không khẳng định thời điểm sử dụng đất cụ thể của hộ gia đình ông Tuấn vì không nhớ rõ nhưng khẳng định gia đình ông Tuấn sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Theo trình bày của ông Tuấn, gia đình ông trồng tre với mục đích chống sạt lở và chắn cát. Ngoài ra, có một vài cây bạch đàn, dương liễu, keo lá tràm rải rác trên thửa đất (keo lá tràm trồng khoảng năm 2018); còn lại, đa số diện tích để cỏ mọc, không trồng hoa màu gì trên đất. Như vậy, đối với phần diện tích trên, gia đình ông không sản xuất thường xuyên, chưa sử dụng hiệu quả thửa đất để thu lợi về kinh tế. Ngoài ra, hộ gia đình ông Tuấn còn được cấp 04 thửa đất màu với tổng diện tích 604m² và 01 thửa đất thổ cư với diện tích 558,6m² cho 06 nhân khẩu của hộ gia đình tại thời điểm cấp đất;

trên các thửa đất màu được cấp GCNQSDĐ, hộ ông Tuấn trồng đậu phộng, trồng bắp... Đây là nguồn thu nhập thường xuyên về nông nghiệp của hộ gia đình ông Tuấn. Từ những cơ sở trên cho thấy hộ gia đình Tuấn không có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang khiếu nại. Điều này được UBND xã P xác nhận trong Biên bản làm việc với Thanh tra thị xã ngày 10/3/2021. Tại điểm c khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hướng dẫn chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai quy định một trong các căn cứ xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp: *“Có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng quy định tại Điểm a Khoản này, kể cả trường hợp không có thu nhập thường xuyên vì lý do thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh”*; theo đó, hộ gia đình ông Nguyễn Đình T không đủ căn cứ để xác định là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang khiếu nại.

Tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:*

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai; diện tích đất nông nghiệp còn lại (nếu có) phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước”.

Như vậy, phần diện tích tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.390m² (theo Hồ sơ 64) gia đình ông Tuấn sử dụng trước ngày 01/7/2004 nhưng hộ gia đình ông không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần diện tích này theo phân tích ở trên. Mặt khác, mảnh đất này hiện nay thuộc khu vực đất quy hoạch phát triển du lịch theo Quyết định số 11101/2018/QĐ-UBND, ngày 27/12/2018 của UBND thị xã A. Vì vậy, hộ gia đình ông Nguyễn Đình T không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Từ những kết quả, kiểm tra xác minh trên, nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Đình T về việc công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, xã P (theo Hồ sơ NĐ 64/CP) là do ông khai hoang, sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1980 đến nay để trồng tre, dương liễu, bạch đàn từ đó làm căn cứ cho việc lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông đối với phần diện tích này theo hình thức giao đất không thu tiền là không có cơ sở.

Như vậy, Chủ tịch UBND thị xã A ban hành Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, trú tại thôn L, xã P (lần 2) là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Đối với khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, trú tại thôn L, xã P

Ngày 07/02/2020, ông Nguyễn Đình T có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã A. Ngày 26/02/2020, UBND thị xã ban hành Công văn số 399/UBND chuyển đơn

khieu nại của ông Nguyễn Đình T đến Chủ tịch UBND xã P để giải quyết theo thẩm quyền. Trong đơn, ông Nguyễn Đình T khiếu nại Công văn số 30/UBND ngày 25/9/2019 của UBND xã P.

Ngày 27/10/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 251/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, theo đó, Chủ tịch UBND xã P không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Tuấn vì lý do ông không kê khai, đăng ký sử dụng qua các thời kỳ và thửa đất này là đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý theo hồ sơ địa chính.

Với kết quả giải quyết trên, ông Nguyễn Đình T không đồng ý nên tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND thị xã A theo quy định của pháp luật khiếu nại.

Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy, Chủ tịch UBND xã P giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông Nguyễn Đình T là đảm bảo theo quy định pháp luật về khiếu nại; tuy nhiên, việc UBND xã P cho rằng thửa đất này là đất do UBND xã P quản lý để không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Đình T là chưa đầy đủ cơ sở, nhưng nội dung giải quyết là đúng theo thực tế. Do đó, yêu cầu khởi kiện huỷ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND xã P là không có cơ sở.

3. Đối với nội dung: Buộc UBND xã P xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1200m² tại thôn L, xã P là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật

Qua kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy phần diện tích ông Tuấn đang khiếu nại là do gia đình ông sử dụng từ trước ngày 01/7/2004, không tranh chấp nhưng hộ ông không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (không có nguồn thu nhập thường xuyên) trên diện tích này theo khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT nên không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, ông Nguyễn Đình T yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01 (theo Hồ sơ ND 64/CP) là do ông khai hoang, sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1980 đến nay là không có cơ sở.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng thủ tục phiên tòa, hỏi các đương sự và xác định rõ nội dung vụ án. Người tham gia tố tụng cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án đầy đủ, tham gia phiên tòa đúng theo giấy triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các đương sự tranh luận tại phiên tòa để làm rõ nội dung vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T về việc: huỷ Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, trú tại thôn L, xã P, thị xã A, tỉnh Quảng Nam (lần hai); huỷ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T; buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích

1200m² tại thôn L, xã P, thị xã A là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Sau khi nhận Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A thì ngày 19/4/2022, ông Nguyễn Đình T nộp đơn khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 6 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện.

[1.2] Về thẩm quyền của Tòa án:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, trú tại thôn L, xã P, thị xã A, tỉnh Quảng Nam (lần hai);

- Huỷ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1200m² tại thôn L, xã P, thị xã A là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quá trình kê khai, đăng ký, quản lý, sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.200m² tại thôn L của hộ ông Nguyễn Đình T thì thấy:

- + Về hồ sơ địa chính: theo hồ sơ kê khai CT 299/TTg là một phần của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.010m², loại đất còn cát, do hợp tác xã quản lý; theo hồ sơ kê khai ND 64/CP là một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.390m², loại đất rừng trồng do UBND xã P quản lý; theo hồ sơ VN 2000 thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.839m², loại đất hoang bằng do UBND xã P quản lý. Như vậy, hộ ông Nguyễn Đình T không thực hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ.

- + Trong quá trình giải quyết khiếu nại và giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình T không cung cấp được một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đồng thời cũng không cung cấp được các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, để xác định thời điểm sử dụng đất và việc sử dụng đất ổn định của ông Tuấn.

- + Sau khi UBND xã P nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đình T, đã Hợp Hội đồng xét nguồn gốc đất, tuy nhiên, thành phần của Hội đồng đều xác định đây là đất của UBND xã quản lý. Khi ông Nguyễn Đình T khiếu nại, Tổ xác minh giải quyết khiếu nại xã P và Thanh tra thị xã A đã tiến

hành xác minh và làm việc, tại Biên bản đối thoại ngày 28/4/2021 của UBND thị xã A, ông Nguyễn Đình T trình bày: “trước năm 1980, thửa đất này là thửa đất ven sông, hộ gia đình chúng tôi đã canh tác, cải tạo đất để trồng lát, lúa. Khoảng 10 năm sau, lũ lớn bồi đắp vào thửa đất làm thửa đất là một cồn cát cao và không còn ven sông nữa nên gia đình tôi không trồng lát và trồng lúa nữa. Gia đình tôi canh tác thường xuyên trên thửa đất và trồng cây lâu năm trên thửa đất như tre, dương liễu, bạch đàn. Tuy nhiên, do đất cát và thời tiết khắc nghiệt nên có cây sống, cây chết rồi cỏ mọc lên, gia đình tôi không bỏ hoang. Khoảng năm 1992 – 1993 hộ gia đình tôi trồng dương liễu, bạch đàn và có tre trên đất; khoảng 03-04 năm thu hoạch một lần”. Cũng tại Biên bản này, ông Võ Trần Sự - thôn trưởng thôn L xác nhận: “trước năm 1980, thửa đất này do bà Nhu sử dụng trồng lát. Đến năm 1986, ông Nguyễn Nhuận (cha ông Tuấn) sử dụng khu đất để trồng tre do đất bị bồi lấp. Sau đó, ông Tuấn trồng bạch hà, dương liễu...”; ông Nguyễn Văn Bồng – Bí thư Chi bộ thôn L trình bày: “Tôi đi bộ đội về khoảng năm 1982 thì nhớ ông Tuấn chưa cải tạo, sử dụng thửa đất này. Ông Tuấn trồng tre, dương liễu trên thửa đất đang khiếu nại...”. Theo Biên bản làm việc ngày 29/01/2021 của Thanh tra thị xã A, ông Dương Phú Mãi trình bày: “Tôi không nhớ rõ thời điểm sử dụng đất của ông Tuấn. Tôi chỉ biết những bụi tre trên đất là của ông Tuấn. Hiện trạng trên đất chỉ là bụi tre, không có trồng trọt, canh tác các loại cây hoa màu nào khác từ trước đến nay”. Tại Biên bản kiểm tra thực tế ngày 29/01/2021 thể hiện: hiện trạng sử dụng của thửa đất có ranh giới là đường đất, bụi dừa, không có ranh giới rõ ràng trên thực địa; hiện nay trên thửa đất có trồng tre và một số cây bạch đàn, dương liễu. Tại Biên bản làm việc ngày 06/10/2020 của Tổ xác minh xã P thể hiện: trên đất được ông Tuấn xác định có khoảng 14 bụi tre và 100 cây bạch đàn.

[2.2] Xét Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P.

- Về hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành.

Về nội dung: Vào năm 2019 hộ gia đình ông Nguyễn Đình T có làm hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất có diện tích khoảng 1200 m², địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã P, thị xã A, tỉnh Quảng Nam. UBND xã P đã ban hành Công văn số 30/UBND ngày 25/9/2019 trả lời đơn cho ông Nguyễn Đình T, với nội dung: Trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, hộ ông Nguyễn Đình T đã không thực hiện việc kê khai và chỉ khai hoang trồng tre trên đất do UBND xã quản lý, do đó việc xin cấp giấy chứng nhận QSD đất của ông là không có cơ sở giải quyết.

Ngày 18/02/2020, ông Nguyễn Đình T gửi đơn khiếu nại Công văn số 30/UBND ngày 25/9/2019 của UBND xã P với nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, đề nghị các cấp chính quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất chưa có giấy tờ nhưng đã được sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ trước năm 1975 đến nay.

Ngày 27/10/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 251/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đình T, theo đó, Chủ tịch UBND xã P không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Tuấn vì lý do ông không kê khai, đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ và thửa đất này là đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý theo hồ sơ địa chính.

Xét thấy: Lẽ ra, trường hợp ông Nguyễn Đình T không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 và khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì UBND xã P phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện việc xác nhận về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất. Mặc dù trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND xã P đã thực hiện xác minh đối với những người sống cùng thôn của ông Nguyễn Đình T nhưng vẫn chưa thực hiện việc xác nhận thời điểm sử dụng đất theo trình tự, thủ tục quy định.

Mặt khác, trong hồ sơ kê khai qua các thời kỳ, tuy UBND xã P thực hiện việc kê khai, nhưng không đăng ký và được phê duyệt của cấp có thẩm quyền để sử dụng vào mục đích công ích nên mảnh đất này không phải là đất công ích. Do đó, UBND xã P chỉ căn cứ hồ sơ kê khai qua các thời kỳ do UBND xã P quản lý, không căn cứ vào thời điểm sử dụng đất và quá trình sử dụng đất của ông Nhạ để không chấp nhận lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nhạ là chưa đầy đủ căn cứ pháp luật. Tuy nhiên nội dung giải quyết khiếu nại của UBND xã P là đúng quy định.

[2.3] Xét Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Quảng Nam.

- Về hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành.

- Về nội dung: Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã P, ông Nguyễn Đình T đã làm đơn khiếu nại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020, yêu cầu Chủ tịch UBND thị xã A xem xét lại, theo đó, yêu cầu UBND xã P công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, xã P (theo hồ sơ NĐ 64/CP) là do hộ gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1980 đến nay để trồng tre, dương liễu, bạch đàn; từ đó làm căn cứ cho việc lập hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông đối với phần diện tích này theo hình thức giao đất không thu tiền.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo xác minh của người cùng nơi cư trú của ông Nguyễn Đình T thì trước năm 1980, thửa đất này do bà Nhu sử dụng. Sau này, cha con ông Nguyễn Đình T sử dụng. Mặt khác, ông Nguyễn Đình T không thực hiện việc kê khai, đăng ký đất đai qua các thời kỳ. Ngoài ra, ông Nguyễn Đình T không có giấy tờ và không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để xác định được thời điểm sử dụng đất ổn định của hộ ông Tuấn. Hơn nữa, theo xác minh đối với những người cùng thôn cùng cư trú tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất với ông Nguyễn Đình T thì việc sử dụng đất của ông Nguyễn Đình T là trước ngày 01/7/2004. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã A kết luận gia đình ông Nguyễn Đình T sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004 là có căn cứ.

Mặc dù ông Nguyễn Đình T sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004, nhưng trên diện tích 1.200m² của ông Tuấn không có ranh giới rõ ràng, các bụi tre, dương liễu rải rác và 100 cây bạch đàn lớn nhỏ, mật độ 1 cây bạch đàn/12m². Đồng thời, tại Biên bản đối thoại ngày 28/4/2021, UBND xã P xác nhận hộ ông Nguyễn Đình T chỉ mới trồng dương liễu, bạch

đàn vào năm 2017 – 2018 và xác nhận hộ ông Nguyễn Đình T không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, hộ ông Nguyễn Đình T không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, Chủ tịch UBND thị xã A kết luận trường hợp của ông Nguyễn Đình T không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất là có căn cứ.

[2.4] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Đình T về việc buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn L, xã P, thị xã A là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật thì thấy:

Như phân tích tại mục [2.1 và [2.3], ông Nguyễn Đình T không đăng ký, kê khai qua các thời kỳ, không có một trong các căn cứ xác định thời điểm sử dụng đất ổn định quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và qua xác minh những người cùng thôn cư trú tại cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của ông Nguyễn Đình T thì việc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Đình T là trước ngày 01/7/2004, do đó, yêu cầu buộc UBND xã P xác nhận nguồn gốc đất của gia đình ông sử dụng từ trước năm 1980 là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.5] Mặc dù Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P có một số sai sót như đã nêu trên, nhưng tại Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A đã thực hiện việc xác minh và giải quyết khiếu nại đúng quy định pháp luật về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại và giải quyết đúng nội dung, đồng thời, nhận định nội dung không đúng quy định pháp luật của Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, đã khắc phục được sai sót, giải quyết đúng nội dung bản chất vụ việc và yêu cầu của ông Nguyễn Đình T, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T về việc: hủy Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T; hủy Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T (lần hai); buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1200m² tại thôn L, xã P, thị xã A là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T không được chấp nhận nên ông Tuấn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2, 3 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T về việc: huỷ Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T (lần hai); huỷ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình T (lần đầu); buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1200m² tại thôn L, xã P, thị xã A là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000144 ngày 06/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt ợp lệ bản án này, có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Văn Phú